



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2019*

**GIỚI THIỆU**  
**Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam**

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT**

**1. Xuất phát từ yêu cầu cụ thể hóa quy định của Hiến pháp**

Tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013 quy định: “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*” và tại Điều 23 quy định: “*Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước. Việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định*”. Tuy nhiên, hiện nay, công tác quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của công dân được thực hiện theo các văn bản dưới luật là chưa phù hợp với yêu cầu của Hiến pháp. Do vậy, cần thiết phải ban hành Luật này để đáp ứng yêu cầu của Hiến pháp năm 2013.

**2. Xuất phát từ yêu cầu thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật**

Trong thời gian vừa qua, Quốc hội đã ban hành nhiều đạo luật có nội dung liên quan đến hoạt động xuất cảnh, nhập cảnh của công dân như: Luật Cơ quan đại diện nước CHXHCN Việt Nam ở nước ngoài, Bộ luật Hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Quốc tịch, Luật Căn cước công dân, Luật Cư trú, Luật Xử lý vi phạm hành chính... Do vậy, cần thiết phải ban hành Luật này để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật.

**3. Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn hiện nay**

Xuất phát từ yêu cầu cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong công tác quản lý xuất nhập cảnh và triển khai Đề án sản xuất, phát hành hộ chiếu có gắn chip điện tử đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Do đó, việc xây dựng, ban hành Luật này nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chính sách trên, để vừa tạo thuận lợi hơn cho công dân trong hoạt động xuất nhập cảnh và tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động thu thập thông tin, dữ liệu, cấp, quản lý và sử dụng giấy tờ xuất nhập cảnh.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT**

Luật xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam được xây dựng trên các mục đích, quan điểm sau:





- Nhằm cụ thể hóa quy định của Hiến pháp liên quan đến quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước của công dân; quy định đầy đủ, cụ thể, rõ ràng, minh bạch trình tự, thủ tục quản lý xuất cảnh, nhập cảnh; bảo đảm tương thích, đồng bộ với các văn bản pháp luật hiện hành và phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành của Chính phủ; tạo điều kiện thuận lợi cho công dân nhưng vẫn phải đảm bảo an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến trong việc cấp, quản lý giấy tờ xuất nhập cảnh và kiểm soát xuất nhập cảnh; kế thừa các quy định hiện hành còn phù hợp và bổ sung những quy định mới để đáp ứng với sự phát triển của đất nước.

### **III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT**

Theo sự phân công của Chính phủ, Bộ Công an đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan tổ chức nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, tham khảo pháp luật của một số nước về xuất nhập cảnh; tổ chức sát thực tiễn, lấy ý kiến của các bộ, ngành, địa phương và gửi Bộ Tư pháp thẩm định.

Tại phiên họp tháng 3/2019, Chính phủ đã xem xét, thông qua dự án Luật và giao Bộ trưởng Bộ Công an hoàn chỉnh hồ sơ dự án và thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, thay mặt Chính phủ trình Quốc hội xem xét, cho ý kiến.

Dự án Luật đã được lấy ý kiến nhân dân, ý kiến của đại biểu Quốc hội tại kỳ họp thứ 7 và được Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIV, ngày 22/11/2019 với 442/447 (tỷ lệ 91,51%) đại biểu tán thành.

### **IV. BỐ CỤC VÀ NHỮNG ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT**

#### **1. Về bố cục**

Luật gồm 8 chương, 52 điều, cụ thể:

- Chương I. Quy định chung, gồm 05 điều (từ Điều 1 đến Điều 5), quy định về phạm vi điều chỉnh, giải thích từ ngữ, nguyên tắc xuất nhập cảnh, các hành vi bị nghiêm cấm, quyền và nghĩa vụ của công dân trên lĩnh vực xuất nhập cảnh.

- Chương II. Giấy tờ xuất nhập cảnh, gồm 02 điều (Điều 6, Điều 7), quy định về các loại giấy tờ xuất nhập cảnh, gồm hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, hộ chiếu phổ thông và giấy thông hành; thời hạn của các loại giấy tờ xuất nhập cảnh.

- Chương III. Cấp, chưa cấp giấy tờ xuất nhập cảnh, gồm 15 điều (từ Điều 8 đến Điều 22), chia thành 05 mục, quy định đối tượng được cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, hộ chiếu phổ thông, giấy thông hành; điều kiện cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, hộ chiếu phổ thông; thẩm quyền cho phép, quyết định cử người thuộc diện cấp hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ; cấp hộ chiếu ngoại, hộ chiếu công vụ, hộ chiếu phổ thông ở trong nước và ở nước





ngoài; cấp hộ chiếu phổ thông theo thủ tục rút gọn; các trường hợp chưa được cấp giấy tờ xuất nhập cảnh và thời hạn chưa cấp giấy tờ xuất nhập cảnh.

- Chương IV. Quản lý, sử dụng, thu hồi, hủy, khôi phục giấy tờ xuất nhập cảnh, gồm 10 điều (từ Điều 23 đến Điều 32), chia làm 02 mục, quy định trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng các loại giấy tờ xuất nhập cảnh; việc thu hồi, hủy, khôi phục giá trị sử dụng của hộ chiếu.

- Chương V. Xuất cảnh, nhập cảnh, tạm hoãn xuất cảnh, gồm 07 điều (từ Điều 33 đến Điều 39), quy định về điều kiện xuất cảnh, nhập cảnh; kiểm soát xuất nhập cảnh tại các cửa khẩu; đối tượng bị tạm hoãn xuất cảnh, thẩm quyền quyết định tạm hoãn xuất cảnh, gia hạn, hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh; thời hạn và trình tự, thủ tục thực hiện tạm hoãn, gia hạn, hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh.

- Chương VI. Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, gồm 04 điều (từ Điều 40 đến Điều 43), quy định về việc xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thu thập, cung cấp, quản lý, khai thác thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

- Chương VII. Trách nhiệm quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, gồm 07 điều (từ Điều 44 đến Điều 50), quy định trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương có liên quan trong việc quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam.

- Chương VIII. Điều khoản thi thành, gồm 02 điều (từ Điều 51 đến Điều 52), quy định Luật có hiệu lực từ ngày 01/7/2020 và điều khoản chuyển tiếp.

## **2. Về những điểm mới của Luật**

### ***a) Đối với công dân, gồm 08 điểm mới sau đây:***

- Quy định rõ quyền, nghĩa vụ của công dân, gồm 04 quyền, 03 nghĩa vụ.

- Không đặt vấn đề “nộp hồ sơ” khi đề nghị cấp hộ chiếu mà chỉ quy định điền vào tờ khai theo mẫu để tạo điều kiện thuận lợi cho người dân.

- Người đề nghị cấp hộ chiếu phổ thông lần đầu ở trong nước nếu có căn cước công dân có quyền lựa chọn thực hiện tại cơ quan quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi thuận tiện.

- Đối với hộ chiếu phổ thông, không đặt vấn đề hộ chiếu còn hạn hay hết hạn, mà quy định người đề nghị cấp hộ chiếu từ lần hai trở đi được lựa chọn nơi thực hiện (tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh hoặc Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi thuận tiện).

- Công dân có quyền lựa chọn nơi nhận hộ chiếu. Quy định này nhằm tạo thuận lợi nhất cho người dân, tránh thủ tục phiền hà, sách nhiễu, tiêu cực.

- Hộ chiếu cấp riêng cho từng người. Quy định hiện hành, người chưa đủ 9 tuổi cấp chung với bố, mẹ, thời hạn 05 năm.





- Người từ đủ 14 tuổi trở lên có quyền lựa chọn đề nghị cấp hộ chiếu có gắn chip điện tử hoặc không gắn chip điện tử.

- Luật hóa việc khôi phục giá trị hộ chiếu bị mất được tìm thấy, nếu người dân có yêu cầu nhằm tạo thuận lợi cho người dân, nhất là các trường hợp có thị thực của nước ngoài còn thời hạn.

***b) Về giấy tờ xuất nhập cảnh, gồm 03 điểm mới:***

- Hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, hộ chiếu phổ thông có 2 loại: gắn chip điện tử và không gắn chip điện tử.

- Hộ chiếu phổ thông cấp cho người từ đủ 14 tuổi trở lên có thời hạn 10 năm, có loại gắn chip điện tử và không gắn chip điện tử. Hộ chiếu phổ thông cấp cho người chưa đủ 14 tuổi thời hạn không quá 05 năm, không gắn chip điện tử.

- Thay cho việc cấp giấy thông hành cho công dân Việt Nam ra nước ngoài ngắn hạn phải về nước vì nhiều lý do khác nhau như hiện nay bằng việc cấp hộ chiếu phổ thông theo thủ tục rút gọn để thể hiện sự bảo hộ của Nhà nước đối với công dân trong mọi trường hợp; hộ chiếu có thời hạn không quá 12 tháng./.

**BỘ CÔNG AN**